

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/DS-ST

Ngày: 23 - 6- 2025

V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1980; địa chỉ: 9/5 ấp A, xã AT, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: số 305/68 ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh B (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1967 và bà Võ Thị B, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: 7/5 ấp H, xã M, huyện T, tỉnh B (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P – ông Đinh Văn N trình bày:

Ông P là chủ cửa hàng mua bán thức ăn P, chỉ là đại lý nhỏ lẻ nên không có giấy phép kinh doanh. Vào đầu năm 2018 ông P có hợp đồng bằng lời nói với ông

Đặng Văn K và bà Võ Thị B để mua bán thức ăn nuôi tôm khi nào xong vụ là hai bên thanh toán tất cả các khoản tiền mà ông P đã cung cấp thức ăn cho ông K, bà B. Đến ngày 01/01/2024 ông P có chốt nợ như sau: ông Đặng Văn K và bà Võ Thị B còn nợ đại lý thức ăn Phúc Tuyên với tổng số tiền là 347.564.000 đồng. Bà B là người trực tiếp ký tên xác nhận nợ. Sau đó ông P có nhiều lần yêu cầu nhưng ông K và bà B chỉ hứa hẹn nhưng không thanh toán.

Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 24/12/2024 ông P có yêu cầu trách nhiệm của ông K phải cùng có nghĩa vụ liên đới với bà B để trả tiền mua thức ăn nuôi tôm cho ông P. Tuy nhiên nay ông P chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị B phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền mua bán thức ăn nuôi còn nợ là: 347.564.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông P xin tự nguyện rút yêu cầu về nghĩa vụ liên đới của ông K trong vụ án này.

Bị đơn ông Đặng Văn K và bà Võ Thị B cùng vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P yêu cầu bị đơn bà Võ Thị B trả tiền mua thức ăn nuôi tôm nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đặng Văn K và bà Võ Thị B cùng cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P – ông Đinh Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Huỳnh Văn P yêu cầu bị đơn bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 347.564.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đặng Văn K, không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông K trong vụ án này.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện ông P có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: bản chính biên nhận nợ làm căn

cứ xác định giữa ông P và bà B có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán, thức ăn nuôi tôm và xác định số tiền bị đơn bà B còn nợ ông P là 347.564.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông P với bị đơn bà B được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đối với bị đơn bà B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn bà B vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn bà B có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 347.564.000 đồng là phù hợp.

[6] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Đặng Văn K, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244; các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P về việc yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn K có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn bà Võ Thị B trả số tiền 347.564.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P đối với bị đơn bà Võ Thị B. Buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn P số tiền 347.564.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Võ Thị B có nghĩa vụ chịu 17.378.200 đồng.

Ông Huỳnh Văn P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.689.000 đồng theo biên lai thu số 0008732 ngày 19/02/2025.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung